

BÁO CÁO

**Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng, các
Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn
tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013 - 2018**

Thực hiện Quyết định số 366/QĐ-ĐDBQH ngày 28/2/2019 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh về việc báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2018.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013 - 2018 như sau:

PHẦN I

**TÌNH HÌNH BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP,
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NSNN**

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thành lập 15 Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước (kèm theo chi tiết sau).

I. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về thành lập, quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà do địa phương quản lý

1. Quỹ Đầu tư phát triển được thành lập theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 12/11/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và hoạt động theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh.

2. Quỹ Phát triển đất được thành lập theo Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh và hoạt động Quyết định 28/2012/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh.

3. Quỹ Bảo vệ môi trường thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Quỹ Bảo vệ Môi trường Tây Ninh.

4. Quỹ Phát triển Hợp tác xã thành lập theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Quỹ Phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh, đã đi vào hoạt động.

5. Quỹ vì người nghèo thành lập theo Quyết định số 108/QĐ-CT ngày 21/7/2003 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Vì người nghèo.

6. Quỹ Bảo trợ xã hội thành lập theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 15/11/2006 của UBND tỉnh.

7. Quỹ phòng, chống thiên tai thành lập theo Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Tây Ninh và hoạt động theo Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tây Ninh.

8. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành lập theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh và hoạt động theo Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh.

9. Quỹ Bảo trì đường bộ thành lập theo Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 31/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh và hoạt động theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định cơ cấu tổ chức và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Tây Ninh.

10. Quỹ Khám, chữa bệnh cho người nghèo thành lập theo Quyết định số 27/QĐ-CT ngày 07/3/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

11. Quỹ Hỗ trợ nông dân thành lập theo Quyết định số 64/QĐ-UB ngày 05/7/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

12. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 29/4/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh Tây Ninh. Hoạt động theo Quyết định số 219/QĐ-BQL ngày 01/02/2010 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 1757/QĐ-BQL ngày 12/7/2018 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban quản lý và quy định hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh.

13. Quỹ Bảo trợ trẻ em thành lập theo Quyết định số 97/QĐ-CT ngày 05/10/1998 về việc thành lập Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Tây Ninh.

14. Quỹ Nạn nhân chất độc da cam thành lập theo Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 về việc thành lập Quỹ Nạn nhân chất độc da cam tỉnh Tây Ninh.

15. Quỹ Dự trữ tài chính thành lập và hoạt động từ năm 1995.

II. Đánh giá một số Quỹ tài chính ngoài ngân sách

1. Quỹ Đầu tư phát triển

Căn cứ Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Bộ Tài chính đã ban hành, Thông tư 28/2014/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Thông tư 42/2014/TT-BTC ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Thông tư 209/2015/TT-BTC hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Căn cứ khung khổ pháp lý nêu trên Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quỹ đầu tư phát triển đã trình Hội đồng quản lý ban hành quy chế quản lý tài chính số 1216/QĐ-HĐQL ngày 2/6/2017.

Cho đến nay các văn bản chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động của Quỹ được ban hành cơ bản đầy đủ, đồng bộ, thống nhất phù hợp với thực tiễn, đảm bảo hoạt động của Quỹ được thông suốt, tạo điều kiện cho Quỹ tổ chức hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ.

2. Quỹ Phát triển đất

Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.

Công văn số 6534/BTC-QLCS ngày 24/5/2010 của Bộ Tài chính về việc triển khai quyết định số 40/2010/QĐ ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh.

Quyết định 28/2012/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh.

3. Quỹ Bảo vệ Môi trường

Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Quỹ Bảo vệ Môi trường Tây Ninh, đã đi vào hoạt động. ục đích cho vay chương trình, dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

4. Quỹ Phát triển Hợp Tác xã

Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Quỹ Phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh, đã đi vào hoạt động. Quỹ thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Quỹ Vì người nghèo

Được hình thành trên cơ sở vận động sự tự nguyện ủng hộ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài tỉnh (kể cả người nước ngoài). Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận mà áp dụng hình thức trợ giúp cho người nghèo, hộ nghèo theo chuẩn mực của nhà nước công bố từng thời kỳ.

Quỹ được thành lập từ năm 2003 theo Quyết định số 108/QĐ-CT ngày 21/7/2003 của UBND tỉnh. Công tác xây dựng, quản lý và sử dụng quỹ vì người nghèo tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Mặt trận Trung ương: Quyết định số 235/2000/QĐ-MTTW ngày 15/12/2000 của Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc thành lập và ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và sử dụng quỹ "Vì người nghèo"; Quyết định số 924/QĐ-MTTU ngày 24/5/2006 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và sử dụng "Quỹ vì người nghèo" sửa đổi năm 2006 và Quyết định số 901/QĐ-MTTW ngày 25/4/2011 của Ban thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và sử dụng "Quỹ vì người nghèo" sửa đổi năm 2011.

6. Quỹ Bảo trợ xã hội

Được hình thành trên cơ sở vận động sự tự nguyện ủng hộ của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh nhằm mục đích nhân đạo, cứu trợ các địa phương trong và ngoài tỉnh gặp thiên tai, dịch họa, tai nạn đột xuất, hỗ trợ các trại nuôi dưỡng người già, trẻ mồ côi tàn tật, cơ sở khám, chữa bệnh người nghèo, góp phần khắc phục hậu quả, ổn định lại cuộc sống.

Quỹ được thành lập năm 2006 theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 15/11/2006 của UBND tỉnh. Quỹ được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ quỹ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt

Các Ban vận động "Quỹ vì người nghèo" tỉnh và Ban vận động Quỹ Bảo trợ xã hội" tỉnh cơ cấu nhiều sở, ngành, đoàn thể. Dựa vào các văn bản, quyết định của Mặt trận Trung ương và UBND tỉnh, Ban vận động quỹ cụ thể thành quy chế, Điều lệ và hướng dẫn Ban vận động quỹ các cấp thực hiện. Cơ quan MTTQ Việt Nam tỉnh với vai trò là Thường trực của 02 Ban vận động (Quỹ vì người nghèo, Quỹ Bảo trợ xã hội) vừa chủ trì các hoạt động của 02 Ban vận động, vừa triển khai, hướng dẫn giúp hệ thống Mặt trận các cấp thực hiện tốt hoạt động của Ban vận động cấp dưới, hoàn thành chỉ tiêu cấp trên giao hàng năm.

7. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng

- Việc ban hành các văn bản pháp luật về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, hướng dẫn việc thực hiện thu, chi sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng được ban hành kịp thời, hướng dẫn chi tiết tạo điều kiện thuận lợi cho Quỹ trong quá trình hoạt động quản lý.

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng được thành lập phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Thông qua việc thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng góp phần tạo thêm nguồn thu nhập, tạo động lực cho người dân tham gia bảo vệ, trồng mới và chăm sóc rừng trồng; Qua đó, công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh được thực hiện tốt hơn, rừng ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng.

- Về hướng dẫn cơ chế tài chính các quỹ tài chính ngoài ngân sách: Các văn bản về hướng dẫn cơ chế tài chính được ban hành kịp thời, hướng dẫn chi tiết để thực hiện.

- Về hướng dẫn bộ máy tổ chức và hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách: Có quy định rõ ràng, kịp thời, đầy đủ.

- Về chế độ báo cáo, công khai: Định kỳ hàng tháng, năm Quỹ tỉnh đều có báo cáo kết quả thực hiện và những khó khăn vướng mắc về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Về hoạt động kiểm tra, giám sát: Trên cơ sở kế hoạch thu, chi hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt và báo cáo kết quả chi trả của các đơn vị cung ứng dịch vụ môi trường rừng, Quỹ tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện chi trả của các đơn vị cung ứng đến các hộ nhận khoán (người dân tham gia bảo vệ rừng), kịp thời phát hiện những sai sót, khó khăn trong quá trình thực hiện để có biện pháp giải quyết kịp thời.

8. Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo

- Kịp thời trong việc ban hành các văn bản pháp luật về thành lập, quản lý, sử dụng theo yêu cầu.

- Phù hợp so với yêu cầu của thực tiễn.

- Về các vấn đề trong hệ thống văn bản pháp luật được quy định không mâu thuẫn, chồng chéo.

- Về thẩm quyền quyết định thành lập Quỹ: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

- Về hoạt động kiểm tra giám sát: Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, quản lý và sử dụng Quỹ của cơ quan có trách nhiệm quản lý Quỹ. Cung cấp thông tin cần thiết cho các cơ quan quản lý của Nhà nước khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

9. Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Quỹ Hỗ trợ nông dân được thành lập đã kịp thời định hướng giúp bà con nông dân thay đổi cách tổ chức sản xuất và cho vay theo nhóm sản xuất; theo chủng loại cây, con để có nhiều sản phẩm chất lượng cao phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu. Quỹ HTND còn là phương tiện quan trọng của Hội Nông dân trong việc tập hợp, đoàn kết, tổ chức hỗ trợ nông dân để xây dựng Hội vững mạnh. Chính vì những tác động rất tích cực của Quỹ HTND nên việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân là một yêu cầu rất cần thiết.

- Quỹ Hỗ trợ nông dân vừa là “công cụ”, vừa là một trong những phương tiện hữu hiệu để Hội Nông dân hỗ trợ, hướng dẫn hội viên, nông dân xây dựng, hình thành mô hình kinh tế tập thể, các hình thức liên kết trong sản xuất, phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của nền nông nghiệp hàng hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Các văn bản hướng dẫn được ban hành đầy đủ, thống nhất về nội dung. Tuy nhiên còn chưa hoàn toàn có sự thống nhất về cách gọi trong cơ cấu tổ chức đối với chức danh Trưởng ban Điều hành Quỹ HTND hay Giám đốc Quỹ HTND.

- Các chính sách, văn bản về hoạt động Quỹ HTND đã góp phần định hướng, hướng dẫn về cách thức tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động Quỹ HTND. Ngoài ra, còn tạo thêm nguồn lực về vốn cho Quỹ HTND ngày càng được tăng trưởng từ việc cấp (ủy thác) vốn từ ngân sách.

- Thẩm quyền quyết định thành lập Quỹ: Do UBND tỉnh quyết định thành lập.

- Về hướng dẫn cơ chế tài chính: Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam (*có hiệu lực từ ngày 15/7/2013 thay cho Thông tư số 36/2002/TT-BTC ngày 22/4/2002 về Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam*). Trung ương Hội Nông dân Việt Nam cũng đã ban hành Hướng dẫn 1079 - HD/HNDTW ngày 18 tháng 11 năm 2013 về một số vấn đề cụ thể thực hiện Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính. Thông tư và Hướng dẫn đã quy định cụ thể các mục thu, chi và phân phối chênh lệch thu chi của Quỹ góp phần tạo điều kiện cho Quỹ thực hiện hiệu quả hơn, đúng quy định về quản lý tài chính.

- Về hướng dẫn tổ chức bộ máy và hoạt động: Về tổ chức bộ máy được quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân được ban hành theo Quyết định số 908-QĐ/HNDTW ngày 15/11/2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Quỹ HTND được tổ chức ở 03 cấp trong hệ thống tổ chức của Hội Nông dân Việt Nam: Quỹ HTND Trung ương, trực thuộc Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Quỹ HTND tỉnh, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh; Quỹ HTND huyện, trực thuộc Hội Nông dân huyện; Cấp xã không thành lập Quỹ HTND. Việc

quy định cơ cấu tổ chức ở 03 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, không thành lập ở cấp xã) là phù hợp vì cấp xã thường xuyên thay đổi nhân sự, không đủ nguồn lực con người nên không trực tiếp quản lý nguồn vốn và tự giải ngân cho vay đến người vay mà chỉ có trách nhiệm vận động tạo nguồn vốn nộp về Quỹ HTND huyện quản lý và trực tiếp tổ chức các hoạt động hỗ trợ vốn giúp nông dân theo sự chỉ đạo của cấp trên.

- Cơ cấu tổ chức của Ban điều hành Quỹ gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, cán bộ nghiệp vụ, kế toán, thủ quỹ.

- Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát Quỹ có tối đa 03 thành viên gồm: Trưởng ban và các thành viên.

- Về báo cáo, công khai: Báo cáo hoạt động Quỹ HTND được thực hiện 6 tháng 1 lần gửi cho Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, Ban Thường Vụ Hội Nông dân tỉnh, Sở Tài chính. Công khai tài chính được thực hiện 1 quý/lần.

- Về hoạt động kiểm tra, giám sát: Quỹ HTND cấp trên thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ cấp dưới. Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Quỹ đồng cấp và cấp dưới.

10. Quỹ nạn nhân chất độc da cam

- Quỹ nạn nhân chất độc da cam được thành lập, đã kịp thời tạo được nguồn tài chính để chi cho các hoạt động chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân bị ảnh hưởng của chất độc da cam.

- Thẩm quyền quyết định thành lập Quỹ: Do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

- Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm gồm: Lãnh đạo Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh Tây Ninh; Sở Lao động - Thương binh và xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBMTTQVN tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh kiêm nhiệm. Ban Kiểm soát Quỹ do Ban Kiểm tra Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh kiêm nhiệm. Các bộ phận chuyên môn do các nhân viên văn phòng Hội kiêm nhiệm.

- Do thực hiện nhiệm vụ theo chế độ kiêm nhiệm nên không có chế độ lương, thưởng.

- Nguồn hình thành tài chính của Quỹ: Vận động đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Lãi tiết kiệm tiền gửi ngân hàng hoặc các hoạt động đầu tư tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Thực trạng sử dụng nguồn lực của Quỹ:

- + Quỹ thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê đúng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

- + Mở sổ theo dõi và thống kê đầy đủ danh sách các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ và danh sách các nạn nhân chất độc da cam được Quỹ giúp đỡ.
- + Tuân thủ chế độ kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật. Hàng năm đều có xây dựng kế hoạch thu - chi quỹ.

PHẦN II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2013-2018

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Thực trạng công tác quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách

1. Mục tiêu, đối tượng của các quỹ ngoài ngân sách

1.1. Quỹ Đầu tư phát triển

Chức năng: Quỹ Đầu tư là một tổ chức tài chính nhà nước, Quỹ hoạt động theo mô hình Ngân hàng chính sách, tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

Nhiệm vụ: Quỹ có nhiệm vụ là đầu tư trực tiếp, huy động vốn, và góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết, cho vay các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

1.2. Quỹ Phát triển đất

Chức năng: Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhiệm vụ: Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ được giao; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định; Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ theo quy định; Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ; Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật; Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ; Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

1.3. Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã

Chức năng: Quỹ là tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và ủy thác cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh quản lý. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, hạch toán độc lập, được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Quỹ có chức năng nhận vốn do ngân sách tỉnh cấp; hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển.

Nhiệm vụ: Quỹ thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Tiếp nhận nguồn vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hạn mức giải ngân; Quản lý và điều hành Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của Quỹ; Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh; hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; ưu tiên vay vốn tín dụng từ ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

1.4. Quỹ Bảo vệ môi trường

Chức năng: nhận vốn từ ngân sách, vốn tài trợ, viện trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư cho các chương trình, dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Nhiệm vụ: Tiếp nhận, quản lý các nguồn vốn của Quỹ; sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả, thu hồi kịp thời, đầy đủ cả nợ gốc và nợ lãi theo quy định của Điều lệ và pháp luật; bảo toàn và phát triển vốn; Tổ chức tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vốn vay đối với các dự án đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ; Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định đình chỉ, thu hồi vốn hỗ trợ, cho vay khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng vốn của Quỹ; Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan

đến hoạt động của Quỹ; Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phân công.

1.5. Quỹ phòng, chống thiên tai

- **Chức năng:** Tiếp nhận, quản lý các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP và các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Cấp phát kinh phí từ Quỹ phòng, chống thiên tai chỉ cho các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Nhiệm vụ:** Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm; Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định; Tham mưu Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nội dung chỉ cho các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai; Đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu, chi và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức công tác thu Quỹ; Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ phòng chống thiên tai năm trước, lập kế hoạch sử dụng Quỹ năm sau.

- Định hướng, mục tiêu, đối tượng của Quỹ PCTT tỉnh: Thu Quỹ PCTT đối với doanh nghiệp, công dân trên địa bàn tỉnh.

- Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Quỹ PCTT tỉnh: Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

1.6. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng

- Mục tiêu của việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng: Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển rừng; Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng; Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng...

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh có chức năng: Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách của tỉnh, vốn tài trợ, huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn; Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác; Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng...

- Đối tượng: Các đơn vị có cung ứng dịch vụ môi trường rừng và các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng (các công ty kinh doanh dịch vụ du lịch, các cơ sở sản xuất nước sạch, thủy điện,...).

- Phạm vi và lĩnh vực hoạt động: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong lĩnh vực Bảo vệ và Phát triển rừng.

1.7. Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo

- **Chức năng nhiệm vụ của Quỹ:** Quỹ thực hiện khám chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Tây Ninh, Quỹ hoạt động dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban quản lý Quỹ có trách nhiệm trực tiếp tổ chức quản lý và điều hành Quỹ theo quy định của Luật ngân sách và các quy định hiện hành; Tổ chức khám chữa bệnh cho người nghèo của tỉnh nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, thực hiện chính sách an sinh xã hội; Vận động, tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho Quỹ; Thực hiện quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn kinh phí theo các quy định của pháp luật.

- **Định hướng, mục tiêu, đối tượng của Quỹ:** Đối tượng là người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Người thuộc hộ nghèo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính Phủ về chuẩn hộ nghèo; Đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính Phủ; Người thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật và người đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước; Người mắc bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo, mổ tim hoặc các bệnh khác gặp khó khăn do chi phí cao mà không đủ khả năng chi trả viện phí.

- **Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Quỹ:** Quỹ có phạm vi hoạt động khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- **Các kết quả đạt được của Quỹ trong giai đoạn 2013-2018:** Năm 2015 Quỹ hỗ trợ được 44 lượt bệnh nhân với tổng số tiền 113,1 triệu đồng; Năm 2016 Quỹ hỗ trợ được 637 lượt bệnh nhân với tổng số tiền 1.984,4 triệu đồng Năm 2017 Quỹ hỗ trợ được 1014 lượt bệnh nhân với tổng số tiền 3.402,3 triệu đồng; Năm 2018 Quỹ hỗ trợ được 1307 lượt bệnh nhân với tổng số tiền 4.179,2 triệu đồng.

1.8. Quỹ Hỗ trợ nông dân

- **Mục đích hoạt động:** Hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm xóa đói giảm nghèo; nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo việc làm, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng, hiệu quả cao; tạo điều kiện để Hội Nông dân đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội vững mạnh.

- **Nguyên tắc hoạt động:** Hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn, phát triển vốn và bù đắp chi phí quản lý. Tự chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ trước pháp luật; tuân thủ các quy định về nghiệp vụ tài chính, tín dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- **Đối tượng vay vốn:** Hộ gia đình hội viên nông dân tự nguyện tham gia dự án nhóm hộ vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Hội Nông dân. Các đối tượng khác khi có quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đang thực hiện cho vay theo mô hình dự án nhóm hộ gia đình có cùng mục đích sản xuất.

- **Kết quả đạt được giai đoạn 2013-2018:**

Thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng vốn Quỹ HTND do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam giao, Ban Điều hành Quỹ HTND đã tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh giao chỉ tiêu phát triển nguồn vốn Quỹ HTND cho Hội Nông dân các huyện, thành phố. Bên cạnh đó, Quỹ HTND cấp tỉnh còn tranh thủ mọi nguồn lực để tăng trưởng vốn: nguồn Ngân sách nhà nước hỗ trợ, nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm, nguồn vốn do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ủy thác và nguồn vốn vận động từ các doanh nghiệp, công ty và hội viên nông dân trên địa bàn.

Kết quả từ đầu năm 2013 đến năm 2018, nguồn vốn Quỹ HTND cấp tỉnh đã tăng 15.385,7 triệu đồng, cụ thể: Nguồn vốn ngân sách cấp bổ sung 8.000 triệu đồng; Nguồn vốn ngoài ngân sách 1.885,7 triệu đồng; Nguồn vốn Trung ương ủy thác 5.500 triệu đồng.

1.9. Quỹ Nạn nhân chất độc da cam

- Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ: Xây dựng các dự án, chương trình hoạt động ngắn hạn, dài hạn và vận động tài trợ trong nước, ngoài nước để duy trì, phát triển nguồn tài chính cho hoạt động chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân. Vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản do các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước theo đúng tôn chỉ, mục đích của Quỹ và theo quy định pháp luật.

- Kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng tiền, vật chất chi dùng cho việc giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam/dioxin và hoạt động của Quỹ theo đúng mục đích và nguyên tắc tài chính.

- Phạm vi hoạt động: Quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh Tây Ninh; Quỹ hoạt động trong lĩnh vực xã hội, từ thiện, nhân đạo.

- Đối tượng được giúp đỡ của Quỹ: Những người bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam là đối tượng được chăm sóc, giúp đỡ cả về tinh thần và vật chất. Con cháu của nạn nhân sinh ra bị khuyết tật, dị dạng hoặc bị các bệnh khác do chất độc hóa học gây ra.

1.10. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

- Chức năng nhiệm vụ của quỹ: vận động xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; kiểm tra các hoạt động của Quỹ Đền ơn đáp nghĩa thuộc cấp mình quản lý; bảo đảm thu, chi đúng quy định, chấp hành đúng chế độ kế toán, tài chính hiện hành; Định hướng, mục tiêu, đối tượng của các quỹ tài chính ngoài ngân sách: Chăm lo về đời sống vật chất cũng như tinh thần cho Người có công ngày một tốt hơn.

- Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của quỹ: Chi tu bổ nghĩa trang, đài tưởng niệm, xây dựng nhà bia ghi tên liệt sĩ. Hỗ trợ để xây dựng và sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân của họ. Thăm hỏi, hỗ trợ người có công với cách mạng hoặc thân nhân của họ khi ốm đau, khám, chữa bệnh và khi qua đời mà gia đình gặp khó khăn. Giúp đỡ người có công với cách mạng hoặc thân nhân của họ khi gặp khó khăn trong đời sống. Hỗ trợ địa phương có nhiều đối tượng thuộc diện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng mà nguồn vận động ủng hộ thấp.

- Chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa (tập huấn nghiệp vụ, văn phòng phẩm, tài liệu, công tác phí...) và các hoạt động tuyên truyền, khen thưởng, chỉ đạo, vận động xây dựng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa.

- Kết quả đạt được trong giai đoạn 2013-2018 (kèm theo phụ lục).

1.11. Quỹ Bảo trợ trẻ em

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ: Quỹ Bảo trợ trẻ em là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở LĐ-TB&XH, tham mưu giúp Giám đốc sở thực hiện chức năng vận động các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế để góp phần thực hiện mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam. Triển khai các hình thức, phương pháp vận động nhằm khai thác các nguồn tài trợ trong và ngoài tỉnh, quốc tế cho mục tiêu bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em; tiếp nhận các nguồn tài trợ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tuyên truyền các hoạt động của Quỹ và kết quả đóng góp của các nhà tài trợ. Quản lý, sử dụng tài chính đối với các hoạt động của Quỹ theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo quy định của pháp luật.

Mục đích hoạt động: Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh vận động sự đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế và hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Đối tượng thụ hưởng chủ yếu: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Trẻ em mắc các bệnh nặng, hiểm nghèo, chi phí điều trị cao, bị tai nạn thương tích; Trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai, dịch bệnh; Trẻ em thuộc gia đình nghèo vượt khó học giỏi; Trẻ em được tài trợ theo địa chỉ cụ thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân tài trợ.

2 Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách

2.1. Quỹ Đầu tư Phát triển

- Về tình hình hoạt động của Quỹ: Từ khi có Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 12/11/2002 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh, đến nay đã đi vào hoạt động cùng với nguồn vốn điều lệ do Ngân sách tỉnh cấp, Quỹ đã triển khai huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn để hỗ trợ đầu tư phát triển các dự án đầu tư thuộc ngành, lĩnh vực, chương trình kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Về tổ chức hoạt động: Tổng số cán bộ chuyên trách đến cuối năm 2018 là 42 người, trong đó: viên chức quản lý là 3 người, cán bộ viên chức 39 người; trong năm 2018. Tổng số cán bộ kiêm nhiệm: Hội đồng quản lý 04 người, Ban kiểm soát 03 người.

2.2. Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh

- Về tình hình hoạt động: Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh, đã đi vào hoạt động.

- Về tổ chức hoạt động: Tổng số cán bộ kiêm nhiệm: 21 người, trong đó: Hội đồng quản lý Quỹ: 05 người, Ban Kiểm soát: 03 người, CBVC: 13 người

Quỹ Phát triển đất thực hiện theo cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập có thu bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động. Hằng năm, Giám đốc Quỹ PTĐ lập dự toán thi - chi Quỹ thông qua Hội đồng Quản lý Quỹ và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2.3. Quỹ Phát triển Hợp Tác xã tỉnh Tây Ninh

- Về tình hình hoạt động: Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Quỹ Phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh, đã đi vào hoạt động.

- Về tổ chức hoạt động: Tổng số cán bộ kiêm nhiệm 16 người, trong đó: Hội đồng quản lý Quỹ: 05 người, Ban Kiểm soát: 03 người, CBVC: 08 người.

2.4. Quỹ Bảo vệ Môi trường Tây Ninh

- Về tình hình hoạt động: Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Quỹ Bảo vệ Môi trường Tây Ninh, đã đi vào hoạt động.

- Về tổ chức hoạt động: Tổng số cán bộ kiêm nhiệm 23 người, trong đó: Hội đồng quản lý Quỹ: 04 người, Ban Kiểm soát: 03 người, CBVC: 16 người.

- Chế độ tiền lương, tiền thưởng, trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi của các quỹ (Đầu tư phát triển; Phát triển đất; Phát triển Hợp tác xã và Bảo vệ môi trường) do Quỹ Đầu tư phát triển quản lý và thực hiện như sau:

+ Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng phụ cấp trách nhiệm đối với người lao động người quản lý doanh nghiệp kiểm soát viên theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội; Thông tư số 45/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đầu tư phát triển địa phương; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Đối với người lao động, Quỹ đã xây dựng bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật lao động, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương và Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Quỹ thực hiện quản lý lao động, xác định quỹ tiền lương kế hoạch, đơn giá tiền lương, tạm ứng tiền lương, quỹ tiền lương thực hiện, phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH.

+ Đối với người quản lý, Quỹ xác định quỹ tiền lương kế hoạch; xác định quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền thưởng; trả lương, tiền thưởng đối với người quản lý Quỹ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

+ Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo Thông tư số 45/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương Binh xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với quỹ đầu tư phát triển địa phương, theo đó phụ cấp của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được tính bằng 20% tiền lương của Giám đốc Quỹ, phụ cấp của Phó chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được tính bằng 15% tiền lương của Giám đốc Quỹ, phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được tính bằng 15% tiền lương của Phó Giám đốc Quỹ.

2.5. Các Quỹ còn lại: Quỹ phòng, chống thiên tai; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Quỹ Khám, chữa bệnh cho người nghèo; Quỹ Bảo trì đường bộ; Quỹ Hỗ trợ nông dân; Quỹ Nạn nhân chất độc da cam; Quỹ Dự trữ tài chính

- Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động các Quỹ Tài chính ngoài ngân sách: Do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm theo chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức bộ máy Quỹ do cơ quan quản lý Quỹ làm Trưởng ban hoặc phó Trưởng ban Thường trực (hoặc giám đốc, phó giám đốc) ngoài ra còn có thành viên là Lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh.

- Các Quỹ tài chính ngoài ngân sách có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tây Ninh, các Quỹ có ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động.

- Chế độ tiền lương, thưởng, trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi các quỹ: Chỉ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo từng Quỹ.

3. Cơ chế tài chính

3.1. Quỹ Đầu tư phát triển; Quỹ Phát triển đất; Quỹ Hỗ trợ và phát triển Hợp tác xã; Quỹ Bảo vệ môi trường (hệ thống Quỹ Đầu tư phát triển)

*** Cơ cấu nguồn vốn:**

ĐVT: Triệu đồng

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Nguồn vốn chủ sở hữu	276.868	263.712	270.850	279.227	338.394	439.970
Trong đó:						
Vốn nhà nước cấp	259.203	247.728 ₁	247.728	247.728	281.180	371.000
Vốn bổ sung từ Quỹ ĐTPT					16.548	16.548
Vốn khác của chủ sở hữu	1.601	1.601	1.601	1.601	1.601	1.781
Quỹ Đầu tư phát triển	8.525	4.702	13.148	20.298	29.128	37.467
Quỹ dự phòng tài chính	1.427	2.117				
Lợi nhuận chưa phân phối	6.111	7.564	8.373	9.600	9.937	13.174

*** Về vốn chủ sở hữu:**

Theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP, vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương là 100 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu năm 2013 là 276.868 triệu đồng trong đó vốn điều lệ là 259.203 triệu đồng; vốn chủ sở hữu năm 2018 là 439.970 triệu đồng trong đó vốn điều lệ là 371.000 triệu đồng.

*** Việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

Quỹ đầu tư phát triển chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, nộp thuế đầy đủ kịp thời đúng quy định. Nộp thuế TNDN: Năm 2013 là 2.027,7 triệu đồng; năm 2014 là 640,4 triệu đồng; năm 2015 là 238,2 triệu đồng; năm 2016 là 378,1 triệu đồng; năm 2017 là 495,7 triệu đồng; năm 2018 là 769,6 triệu đồng. Về thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu nhập từ hoạt động có thu do thực hiện nhiệm vụ

Năm 2014: chuyển vốn điều lệ 20.000.000.000 đ cho Quỹ Hỗ trợ và phát triển hợp tác xã

Nhà nước giao của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được miễn thuế, do đó nộp thuế từ năm 2014 có giảm so với những năm trước.

Phân phối lợi nhuận thực hiện theo Điều 19 Thông tư 28/2014/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Trích tối thiểu 30% vào quỹ đầu tư phát triển; Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành theo kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ mức trích Quỹ xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Ban quản lý điều hành Quỹ; Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi). Quỹ xếp loại A được trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện cho 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi; Tỷ lệ phân phối cho từng quỹ khen thưởng, phúc lợi do Hội đồng quản lý quyết định; Phần chênh lệch thu chi còn lại được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.

*** Việc huy động và sử dụng vốn huy động:**

Quỹ Đầu tư phát triển được phép huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước dưới hình thức: Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước; phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển địa phương và các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định pháp luật. Giới hạn vốn huy động của Quỹ tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm. Thực tế triển khai cho thấy việc huy động vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển ở các địa phương và ở Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh là khó khăn do có sự cạnh tranh với hệ thống tổ chức tín dụng, lãi suất huy động vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh thấp nên khó thu hút được nguồn vốn huy động.

Số dư vốn huy động: Năm 2013 là 1,051 tỷ đồng; năm 2014 là 3,18 tỷ đồng; năm 2015 là 6,58 tỷ đồng; năm 2016 là 7,1 tỷ đồng; năm 2017 là 7,7 tỷ đồng; năm 2018 là 3,6 tỷ đồng. Vốn huy động được sử dụng bổ sung vào vốn hoạt động để thực hiện các chức năng quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Nghị định 37/2013/NĐ-CP bao gồm đầu tư, góp vốn, cho vay.

*** Thực trạng sử dụng nguồn lực:**

Quỹ thực hiện theo Thông tư 209/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quỹ Đầu tư phát triển địa phương. Hàng tháng Quỹ thực hiện đối chiếu số dư cuối tháng của các tài khoản được mở các Ngân hàng và Kho Bạc Nhà nước đúng theo quy định.

Hàng năm, đơn vị xây dựng kế hoạch tài chính thông qua Hội đồng quản lý trình UBND tỉnh xem xét quyết định. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát kiểm tra thẩm định tài chính thông qua Hội đồng quản lý kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận trình UBND tỉnh phê duyệt.

Quỹ thực hiện theo chế độ tiền lương, hàng năm được Tổ chuyên viên thẩm định tiền lương của tỉnh thẩm tra quyết toán lương thực hiện, kế hoạch lao động lương người lao động và trình UBND xem xét phê duyệt lương thực hiện, kế hoạch lương viên chức quản lý đúng theo quy định.

- Các khoản chi phục vụ thực hiện chức năng của Quỹ giai đoạn 2013-2018: Với chức năng đầu tư trực tiếp và góp vốn ra ngoài doanh nghiệp, Quỹ đầu tư phát triển đã thực hiện góp vốn và đầu tư theo đúng danh mục ngành nghề được quy định tại Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Tây Ninh.

- Các dự án đầu tư đã thực hiện bao gồm:

Quỹ Đầu tư phát triển góp vốn liên doanh thành lập công ty cổ phần đầu tư TDIF theo quyết định số 80/QĐ-QĐTPT ngày 15/5/2012. Giá trị sổ sách vốn góp tại thời điểm 31/12/2017 là 400 triệu đồng, chiếm 19,23% vốn điều lệ² của công ty Cổ phần Đầu tư TDIF, hoạt động chính trong lĩnh vực tư vấn xây dựng và thi công xây dựng.

Góp vốn vào công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội theo quyết định số 23/QĐ-QĐTPT ngày 29/5/2014. Giá trị sổ sách vốn góp tại thời điểm 31/12/2017 là 14 tỷ đồng, chiếm 46,67% vốn điều lệ³ của công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng cụm công nghiệp Tân Hội, hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh kết cấu hạ tầng.

Góp vốn đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty Cổ phần Hải Đăng xây dựng công trình đường 788 đoạn Km4+600 đến Km13+100 theo hợp đồng hợp tác số 01/2014/HĐKTHTKD. Trong năm 2018 Quỹ đã thu hồi nợ gốc 6 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Hải Đăng còn nợ Quỹ Đầu tư phát triển 1 tỷ đồng.

Dự án Đầu tư xây dựng chợ Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu do Quỹ Đầu tư phát triển làm chủ đầu tư có tổng mức đầu tư được phê duyệt 7,85 tỷ đồng, từ nguồn vốn của Quỹ. Dự án được khởi công xây dựng tháng 01/2018, diện tích xây dựng 3.511,4m², quy mô 152 sạp và 31 ki ốt hiện đã đưa vào sử dụng.

- Căn cứ Nghị định 37/2013/NĐ-CP, Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Tây Ninh, làm cơ sở để Quỹ thực hiện cho vay.

- Tổng dư nợ cho vay Quỹ Đầu tư phát triển đến ngày 31/12/2018 là 127,3 tỷ đồng (năm 2013 là 122,2 tỷ đồng, năm 2014 là 136,2 tỷ đồng, năm 2015 là 135,3 tỷ đồng, năm 2016 là 101,9 tỷ đồng, năm 2017 là 113,5 tỷ đồng) tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4,5%/năm. Đối tượng cho vay gồm các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, môi trường; đầu tư xây dựng nâng cấp cải tạo các dự án phục vụ sản xuất phát triển nông thôn nông nghiệp; lĩnh vực công nghiệp, lĩnh vực

² Vốn điều lệ công ty cổ phần đầu tư TDIF: 2.080.000.000 đồng

³ Vốn điều lệ công ty cổ phần đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Tân Hội: 30.000.000.000 đồng

đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội khác tại địa phương. Lãi suất cho vay 8,4%/năm.

- Tổng dư nợ Quỹ Phát triển đất: Năm 2013 là 112.080 triệu đồng; Năm 2014 là 261.702 triệu đồng; Năm 2015 là 133.294 triệu đồng; Năm 2016 là 73.223 triệu đồng; Năm 2017 là 86.380 triệu đồng; Năm 2018 là 74.405 triệu đồng.

- Tổng dư nợ Quỹ Bảo vệ Môi trường: Năm 2015 là 16.666 triệu đồng; Năm 2016 là 24.662 triệu đồng; Năm 2017 là 20.908 triệu đồng; Năm 2018 là 16.557 triệu đồng.

- Tổng dư nợ Quỹ Hỗ trợ Hợp tác xã: Năm 2015 là 1.000 triệu đồng; Năm 2016 là 1.536 triệu đồng; Năm 2017 là 4.113 triệu đồng; Năm 2018 là 6.650 triệu đồng;

- Công tác quản lý nợ vay được theo dõi giám sát quản lý chặt chẽ, định kỳ thường xuyên kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của các doanh nghiệp. Nợ xấu (nhóm 3-5) cuối năm 2018 là 19 tỷ đồng (chiếm 15% dư nợ), các khoản nợ xấu do doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời trong quá trình sản xuất kinh doanh như thiếu vốn lưu động, thị trường đầu ra gặp khó khăn, lĩnh vực nông nghiệp gặp rủi ro khí hậu, dịch bệnh,... tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời trong quá trình trả nợ vay, do đó tác động đến tình hình thực hiện nhiệm vụ cho vay, thu hồi công nợ của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh. Nợ phải trả của Quỹ là các khoản huy động vốn, việc thanh toán chi trả tiền huy động vốn bao gồm gốc và lãi cho các tổ chức cá nhân gửi tiền được thực hiện đầy đủ kịp thời.

3.2. Các Quỹ còn lại: Quỹ phòng, chống thiên tai; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Quỹ Khám, chữa bệnh cho người nghèo; Quỹ Bảo trì đường bộ; Quỹ Hỗ trợ nông dân; Quỹ Nạn nhân chất độc da cam; Quỹ Dự trữ tài chính

- Các nguồn tài chính của các Quỹ gồm: Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ ban đầu khi thành lập Quỹ; Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ hằng năm; Nguồn thu từ các hoạt động theo quy định. Việc huy động các nguồn lực tài chính của các Quỹ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật,... Thông qua việc huy động các nguồn lực tài chính, các Quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh dân đi vào hoạt động ổn định, góp phần tạo nguồn lực tài chính góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội.

- Thực trạng sử dụng nguồn lực của Quỹ:

+ Việc tuân thủ chế độ kế toán, chế độ báo cáo định kỳ thực hiện các báo cáo tháng, quý, năm, báo cáo quyết toán, kiểm toán theo đúng quy định và chính xác về số liệu; thường xuyên đối chiếu các nguồn thu, chi tài chính với Kho bạc Nhà nước và Hệ thống ngân hàng.

+ Công tác xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm được các cơ quan quản lý Quỹ thực hiện theo quy định.

4. Tính công khai minh bạch trong quản lý nhằm bảo đảm sự giám sát của các cơ quan chức năng

Các Quỹ tài chính ngoài ngân sách thực hiện chế độ báo cáo phục vụ giám sát kiểm tra báo cáo tài chính được gửi đến Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh theo quy định.

Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Năm 2017, Đoàn kiểm toán Nhà nước kiến nghị Quỹ Phát triển đất nộp ngân sách với số tiền 17.182.286.507 đồng. Thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm toán Nhà nước, Quỹ Phát triển đất đã thực hiện nộp ngân sách đúng quy định.

5. Kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính đến 2020

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động các quỹ tài chính, huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính trong xã hội thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh.

Dự kiến kế hoạch tài chính đến năm 2020:

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn thu của Quỹ	Dự kiến 2019	Dự kiến 2020
1	Quỹ Đầu tư Phát triển	25.500	26.000
2	Quỹ Phát triển đất	108.000	110.000
3	Quỹ Bảo vệ môi trường	4.000	5.000
4	Quỹ Phát triển Hợp tác xã	4.000	5.000
5	Quỹ Hỗ trợ nông dân	4.300	4.300
6	Quỹ Phòng, chống thiên tai	12.000	14.000
7	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	3.202	3.300
8	Quỹ Bảo trì đường bộ	193.881	232.657
9	Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo	4.000	5.500
10	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	3.000	3.000
11	Quỹ Bảo trợ trẻ em	200	200
12	Quỹ Bảo trợ Xã hội tỉnh	800	800
13	Quỹ Nạn nhân chất độc da cam	800	1.000
14	Quỹ vì người nghèo	12.000	12.000
15	Quỹ Dự trữ tài chính	1.000	1.000

B. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

I. Quỹ Đầu tư phát triển quản lý

1. Việc ban hành quy chế quản lý nội bộ

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương; Nghị định 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Quỹ Đầu tư phát triển đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08/4/2014 của Bộ Tài chính, Hội đồng quản lý đã ban hành các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, bao gồm: Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của Quỹ Đầu tư phát triển; Quy chế thi đua khen thưởng và xử lý kỷ luật của Quỹ Đầu tư phát triển; Quy chế huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển; Quy chế đầu tư tài chính và góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ; Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển; Quy chế quản lý, phân phối quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý của Quỹ Đầu tư phát triển; Quy chế Quản lý, phân phối quỹ tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với thành viên Ban Kiểm soát, người lao động Quỹ Đầu tư phát triển.

Trên cơ sở đó, Quỹ đồng thời ban hành các Quy chế quản lý nội bộ làm cơ sở để điều hành hoạt động của Quỹ gồm Quy chế làm việc. Các quy chế được ban hành đầy đủ đã tạo điều kiện thuận lợi ổn định nề nếp trong quá trình hoạt động điều hành quản lý Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động đầu tư trực tiếp

Bắt đầu triển khai hoạt động đầu tư từ năm 2012, Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư TDIF theo quyết định số 80/QĐ-QĐTPT ngày 15/5/2012 số vốn góp 400 triệu đồng, chiếm 19,23% cổ phần. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội theo quyết định số 23/QĐ-QĐTPT ngày 29/5/2014 số vốn góp 14 tỷ đồng, chiếm 46,6% cổ phần. Trong năm 2018 Quỹ đã bán cổ phần Đầu tư Cụm Công nghiệp Tân Hội thu hồi vốn 14 tỷ đồng, thu doanh thu 1,26 tỷ đồng.

Quỹ thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) được quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 37/2013/NĐ-CP. Số vốn đầu tư lũy kế theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh từ năm 2012-2016 là 53,5 tỷ đồng. Số dư vốn đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đến 31/12/2018 còn dư nợ là 1 tỷ đồng.

Dự án Đầu tư xây dựng chợ Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu do Quỹ Đầu tư phát triển làm chủ đầu tư có tổng mức đầu tư được phê duyệt 7,85 tỷ đồng, từ nguồn vốn của Quỹ. Dự án được khởi công xây dựng tháng 1/2018, diện tích xây dựng 3.511,4m², quy mô 152 sạp và 31 ki ốt. Hiện nay chợ đã đi vào hoạt động.

đạt 118% kế hoạch, tăng 22% so năm 2017; Lợi nhuận sau thuế: 13,17 tỷ đồng, đạt 127 % kế hoạch, tăng 33% so năm 2017).

II. Quỹ Bảo trì đường bộ

Đánh giá kết quả đạt được trong việc thực hiện chính sách đề ra

- Tổ chức, bộ máy đã thành lập và đi vào hoạt động ổn định. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là các đồng chí lãnh đạo các phòng chuyên môn trở lên của các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư. Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND tỉnh, các đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng là các Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; vì vậy việc thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ, cũng như các khó khăn vướng mắc được giải quyết kịp thời.

- Công tác giải ngân cho các đơn vị được giao kế hoạch sử dụng vốn Quỹ Bảo trì đường bộ đảm bảo đúng nội dung chi theo quy định, nguồn vốn Quỹ được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch. Nội dung chi từ Quỹ được Kho bạc nhà nước kiểm soát chi tương tự như các khoản chi từ Ngân sách.

- Ngay sau khi Quỹ được thành lập (tháng 4/2013), Hội đồng quỹ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ một xi lanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh để làm cơ sở thực hiện. Đồng thời hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động của Quỹ.

- Từ khi Quỹ Bảo trì đường bộ đi vào hoạt động, nguồn chi cho công tác bảo trì đường bộ tính tăng đáng kể so với các năm trước đây, một số tuyến đường đã được sửa chữa vừa để tạo thuận lợi và an toàn cho người tham gia giao thông; góp phần kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh.

III. Các Quỹ Tài chính ngân sách: Quỹ phòng, chống thiên tai; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Quỹ Khám, chữa bệnh cho người nghèo; Quỹ Hỗ trợ nông dân; Quỹ Nạn nhân chất độc da cam

Các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý Quỹ đều xây dựng và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động. Hoạt động của các quỹ theo đúng nguyên tắc bảo toàn vốn, tự bù đắp chi phí và không vì mục đích lợi nhuận. Nhìn chung, các Quỹ đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện cho vay, hỗ trợ đúng đối tượng, nợ xấu trong tầm kiểm soát,... Hoạt động của các Quỹ trong thời gian qua đã bước đầu góp phần thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và an sinh xã hội của tỉnh.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Mặt đạt được

Nhìn chung, các Quỹ Tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh đã góp phần tích cực trong việc huy động tập trung nguồn lực tài chính của xã hội, giảm gánh nặng cho Ngân sách nhà nước và cùng với Ngân sách nhà nước giải quyết tốt hơn một số nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, thì công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách vẫn còn hạn chế làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của các quỹ.

- Hiện nay, các quỹ tài chính ngoài ngân sách tại địa phương chủ yếu được quản lý, điều hành bởi các văn bản quy định của địa phương, mỗi quỹ có một điều lệ, quy chế hoạt động riêng như: Việc sử dụng quỹ, chế độ chính sách lương, thưởng, trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công chức, viên chức làm công tác quản lý quỹ không có một hành lang pháp lý đầy đủ để điều chỉnh tổ chức và hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách, do đó chưa phát huy được hết hiệu quả hoạt động của các quỹ.

- Mặc dù nguyên tắc tự bảo toàn vốn được đặt ra khi quyết định thành lập, nhưng nhìn chung nhiều quỹ tài chính ngoài ngân sách nguồn vốn hoạt động chủ yếu từ NSNN, nguồn huy động ngoài ngân sách rất hạn chế.

- Các quỹ có bộ máy nhân sự chủ yếu là hoạt động kiêm nhiệm, ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và quản lý quỹ. Ngoài ra, mỗi quỹ áp dụng theo một cơ chế chính sách khác nhau đối với công chức, viên chức quản lý quỹ (có quỹ có chế độ, có quỹ không có).

PHẦN III KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở Luật NSNN năm 2015 đã được ban hành, đề nghị Trung ương sớm ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn cụ thể đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách về: Tổ chức bộ máy; hoạt động; chế độ chính sách đối với công chức, viên chức quản lý quỹ; trách nhiệm kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch tài chính, tạo cơ sở pháp lý thống nhất giúp các quỹ nâng cao hiệu quả hoạt động.

(kèm phụ lục báo cáo theo quy định)

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2018 Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Đoàn giám sát của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận: *ly*

- Đoàn ĐBQH Tây Ninh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở: TC; LĐ, TB&XH; GTVT;
NN&PTNT; Y tế;
- Các đơn vị: HND; HNNCĐDC; Quỹ ĐTPT;
- PTVP, PVP Long, Nhung;
- PKTTC;
- Lưu: VT. VP.

(Dương Thảo 2019 9. BC)

15

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

BẢNG 1: TÌNH HÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ TÀI CHÍNH
NGOÀI NGÂN SÁCH TẠI TỈNH TÂY NINH
(Kèm theo báo cáo số:/BC-UBND ngày/tháng 03 năm 2019)

TT	Loại văn bản	Số hiệu/Tên văn bản, thời gian ban hành	Nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung	Kiến nghị
I	Quy khám, chữa bệnh cho người nghèo	Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ban hành Quy định về trình tự thủ tục và mức hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Hỗ trợ một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT Bổ sung: Trên thẻ BHYT có nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu thuộc tỉnh Tây Ninh. Bệnh có chi phí cao cần quy định rõ chi phí bao nhiêu được gọi là cao.	
II	Quy Bảo vệ và Phát triển rừng			
1	Luật, Nghị quyết của Quốc hội	Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2005	Bị thay thế bởi Luật Lâm nghiệp năm 2017	
2	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quy Bảo vệ và Phát triển rừng	Bị thay thế bởi Nghị định số 156/2018/NĐ-CP	
3	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh		
III	Quỹ phòng, chống thiên tai			
1	Luật	Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013		
2	Nghị định	Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai		
3	Quyết định	Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Tây Ninh Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tây Ninh.		

STT	Các quỹ tài chính	Nội dung về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của quỹ	Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước	Ghi chú
		Nhiệm vụ: Quỹ thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Tiếp nhận nguồn vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hạn mức ngân; Quản lý và điều hành Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của Quỹ; Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh; hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; ưu tiên vay vốn tín dụng từ ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao		
IV	Quỹ Bảo vệ môi trường	Chức năng: nhận vốn từ ngân sách, vốn tài trợ, viện trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư cho các chương trình, dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương Nhiệm vụ: Tiếp nhận, quản lý các nguồn vốn của Quỹ; sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả, thu hồi kịp thời, đầy đủ cả nợ gốc và nợ lãi theo quy định của Điều lệ và pháp luật; bảo toàn và phát triển vốn; Tổ chức tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vốn vay đối với các dự án đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ; Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định đình chỉ, thu hồi vốn hỗ trợ, cho vay khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng vốn của Quỹ; Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ; Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;		
VI	Quỹ phòng, chống thiên tai	Chức năng: Tiếp nhận, quản lý các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP và các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Cấp phát kinh phí từ Quỹ phòng, chống thiên tai chi cho các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nhiệm vụ: Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm; Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định; Tham mưu Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nội dung chi cho các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai; Đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu, chi và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức công tác thu Quỹ;	Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ phòng chống thiên tai năm trước, lập kế hoạch sử dụng Quỹ năm sau	

STT	Các quỹ tài chính	Nội dung về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của quỹ			Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước	Ghi chú
VII	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng					
		Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách của tỉnh, vốn tài trợ, huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn; Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác; Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng...				
VIII	Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo					
		- Chức năng nhiệm vụ của Quỹ: Quỹ thực hiện khám chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Tây Ninh, Quỹ hoạt động dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban quản lý Quỹ có trách nhiệm trực tiếp tổ chức quản lý và điều hành Quỹ theo quy định của Luật ngân sách và các quy định hiện hành; Tổ chức khám chữa bệnh cho người nghèo của tỉnh nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, thực hiện chính sách an sinh xã hội; Vận động, tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho Quỹ; Thực hiện quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn kinh phí theo các quy định của pháp luật.				
IX	Quỹ Hỗ trợ nông dân					
		Chức năng nhiệm vụ: Hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm xóa đói giảm nghèo; nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo việc làm, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng, hiệu quả cao (thông qua việc cho vay theo phương thức cho vay có hoàn trả (có kỳ hạn và hạn mức). Tạo điều kiện để Hội Nông dân đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội vững mạnh.			Cho vay hỗ trợ có hoàn trả (có kỳ hạn có định mức), phí cho vay 0,7%/tháng	
X	Quỹ Nạn nhân chất độc da cam					
		Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ: Xây dựng các dự án, chương trình hoạt động ngăn chặn, dài hạn và vận động tài trợ trong nước, ngoài nước để duy trì, phát triển nguồn tài chính cho hoạt động chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân. Vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản do các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước theo đúng tôn chỉ, mục đích của Quỹ và theo quy định pháp luật				
XI	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa					
		Chức năng nhiệm vụ của quỹ: vận động xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; kiểm tra các hoạt động của Quỹ Đền ơn đáp nghĩa thuộc cấp mình quản lý; bảo đảm thu, chi đúng quy định, chấp hành đúng chế độ kế toán, tài chính hiện hành; Định hướng, mục tiêu, đối tượng của các quỹ tài chính ngoài ngân sách: Chăm lo về đời sống vật chất cũng như tinh thần cho Người có công ngày một tốt hơn.				
XII	Quỹ Bảo trợ trẻ em					

STT	Các quỹ tài chính	Nội dung về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của quỹ	Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước	Ghi chú
		Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ: Quỹ Bảo trợ trẻ em là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở LĐ-TB&XH, tham mưu giúp Giám đốc sở thực hiện chức năng vận động các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế để góp phần thực hiện mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam. Xây dựng trình Giám đốc Sở phê duyệt phương hướng kế hoạch hoạt động hằng năm của Quỹ (các chương trình hỗ trợ, tài trợ và các kế hoạch khác) và báo cáo Hội đồng Bảo trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh sau khi được phê duyệt. Triển khai các hình thức, phương pháp vận động nhằm khai thác các nguồn tài trợ trong và ngoài tỉnh, quốc tế cho mục tiêu bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em; tiếp nhận các nguồn tài trợ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tuyên truyền các hoạt động của Quỹ và kết quả đóng góp của các nhà tài trợ. Quản lý, sử dụng tài chính đối với các hoạt động của Quỹ theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo quy định của pháp luật		

BẢNG 2: TỔNG HỢP CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH

TÀI TÌNH TÂY NINH

(Kèm theo báo cáo số: 79../BC-UBND ngày .../.. tháng 03 năm 2019)

STT	Các quỹ tài chính	Nội dung về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của quỹ	Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước	Ghi chú
I	Quỹ Đầu tư phát triển	Chức năng: Quỹ Đầu tư là một tổ chức tài chính nhà nước, Quỹ hoạt động theo mô hình Ngân hàng chính sách, tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn Nhiệm vụ: Quỹ có nhiệm vụ là đầu tư trực tiếp, huy động vốn, và góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết, cho vay các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội		
II	Quỹ Phát triển đất	Chức năng: Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đầu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhiệm vụ: Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ được giao; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định; Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ theo quy định; Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định định chi, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ; Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật; Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ; Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao		
III	Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	Chức năng: Quỹ là tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và ủy thác cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh quản lý. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, hạch toán độc lập, được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Quỹ có chức năng nhận vốn do ngân sách tỉnh cấp; hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển.		

TT	Loại văn bản	Số hiệu/Tên văn bản, thời gian ban hành	Nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung	Kiến nghị
IV	Quy Hỗ trợ nông dân	Văn bản 4035/KTTH ngày 26/7/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân Việt Nam.		
		Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân được ban hành kèm theo Quyết định số 908-QĐ/HNĐT ngày 15/11/2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam		
		Hướng dẫn số 1080-HD/HNĐT ngày 18/11/2013 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thực hiện một số điểm trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân		
		Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam		
		Hướng dẫn 1079 - HD/HNĐT ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về một số vấn đề cụ thể thực hiện Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính		
		Hướng dẫn 82-HD/QHTND ngày 22/12/2014 của Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương về nghiệp vụ cho vay vốn Quỹ hỗ trợ nông dân.	Còn chưa hoàn toàn thống nhất về cách gọi Giám đốc hay Trưởng ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân	
V	Quy Đầu tư phát triển			
1	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 138, 37 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển		
2	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 12/11/2002 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh		
VI	Quy Phát triển đất			
	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất		
	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh về việc ủy thác và thành lập Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất Tây Ninh		
VII	Quy Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã			

TT	Loại văn bản	Số hiệu/Tên văn bản, thời gian ban hành	Nội dung chéo, mâu thuẫn, nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung	Kiến nghị
	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh		
VIII	Quỹ Bảo vệ môi trường			
	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh*		
IX	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa			
	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 của Chính phủ ban hành điều lệ quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn		
X	Quỹ Bảo trợ trẻ em			
	Thông tư của Bộ Tài chính	Thông tư số 87/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành điều lệ quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em		

(Kèm theo báo cáo số: 49.../BC-UBND ngày 11... tháng 03 năm 2019)

DVT: Triệu đông.

[illegible]

STT	Nguồn thu của Quỹ	Nội dung về nguồn thu quỹ (ghi rõ tỷ lệ phần trăm hoặc mức đóng góp, đối tượng nộp và nội dung nguồn thu)	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Dự kiến 2019	Dự kiến 2020
X	Quỹ Bảo trợ đường bộ															
	KP địa phương	Phi sử dụng đường bộ mô tô (50% phần khai về 09 huyện, TP; 50% còn lại phần khai cho Sở GTVT, VP Quỹ, Tram KTTT xe L&D)			16.338	16.338	1.028	1.028								
	KP địa phương	NS tính cấp từ KP sự nghiệp									110.383	110.383	117.000	117.000	193.881	232.657
	KP Trung ương	Phần khai về Sở GTVT, VP Quỹ thực hiện công tác BTDB			21.227	21.227	26.826	26.826	39.001	16.624	1.400	22.112	13.279	14.944		
XI	Quỹ Hỗ trợ nông dân															
1	Ngân sách ủy thác			5.000												
2	Nguồn kết dư của Báo hiểm năm 2015															
3	Ứng hộ	1														
4	Mượn															
5	Bổ sung từ kết quả hoạt động			388,62			72									
6	Tài sản (CCDC) từ Quỹ ĐTTT đã khấu hao hết	17,0					220,15			318,18	270,30		971,493	300	3.000	
7	Trung ương ủy thác				2.000		3.000				500					
XII	Đền ơn đáp nghĩa															
1	Hỗ trợ từ ngân sách										1.400	1.400				
2	Hỗ trợ từ cá nhân, tổ chức	Thu ủng hộ người có công với cách mạng gặp khó khăn.	6.900	6.900	2.354	2.354	4.580	4.580	586	586	18.222	18.222	3.805	3.805	3.000	3.000
XIII	Quỹ Bảo trợ trẻ em															
1	Hỗ trợ từ cá nhân, tổ chức	Thu ủng hộ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	183	183	848	848	519	519	460	460	550	550	962	962	200	250

BẢNG 4: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH
(Kèm theo báo cáo số: 30.../BC-UBND ngày 11 tháng 03 năm 2019)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên quỹ	Dư nguồn đến 31/12/2012	Thực hiện năm 2013				Thực hiện năm 2014				Thực hiện năm 2015				Thực hiện năm 2016				Thực hiện năm 2017				Thực hiện năm 2018			
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Vốn sử đúng trong năm	Dư cuối năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Vốn sử đúng trong năm	Dư cuối năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Vốn sử đúng trong năm	Dư cuối năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Vốn sử đúng trong năm	Dư cuối năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Vốn sử đúng trong năm	Dư cuối năm				
			Tổng số	Từ ngân sách			Tổng số	Từ ngân sách			Tổng số	Từ ngân sách			Tổng số	Từ ngân sách			Tổng số	Từ ngân sách			Tổng số	Từ ngân sách	Tổng số	Từ ngân sách
		1	2	3	4	5=1+2+4	6	7	8	9=5+6+8	10	11	12	13=9+10- 12	14	15	16	17=13+14- 16	18	19	20	21=17+18- 20	22	23	24	25=21+22- 24
1	Quỹ Đầu tư phát triển	104.683	43.104		18.135	129.652 (45.505)			(2.108)	86.256	49.827	20.438	115.645	9.413	(32.940)	157.998	60.513	17.228	201.283	138.987	29.741	310.529,0				
2	Quỹ phát triển đất	38.329	84.908		5.557	117.680	79.064		78.280	118.464	29.490	(128.408)	276.362	96.835	(60.071)	433.268	89.098	13.158	509.208	77.600	33.669	553.139,0				
3	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã					20.000	20.000			20.000		1.000	19.000	214		750	18.464	1.924	4.500	15.887	2.663	5.200	13.350,0			
4	Quỹ Bảo vệ môi trường		5.000			5.000	4.000	4.000		9.000	6.333	5.000	18.000	(2.667)	17.395	15.000	10.390	4.338	7.703	4.000		12.041	4.402		16.443,0	
5	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo										2.240	2.240	113	2.127	500	500	1.984	642	5.437	2.400	3.302	2.777	2.500	2.500	4.179	1.097,5
6	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	5.708,5												8.941,9	1.000,0	4.040,3	10.610,1	5.112,6		2.400	5.510,0	10.212,7	7.341,9	7.699,9	9.854,7	
7	Quỹ phòng, chống thiên tai														7.245,8		107,6	7.138,2	10.884,1		1.962,0	16.060,3	12.403,3	5.364,2	23.099,4	
8	Quỹ Đầu tư an dân	6.040,0	6.900,0		9.778,0	3.165,0	2.354,0		3.625,0	1.894,0	4.580,0		3.065,0	3.410,0	586,0	22,0	3.974,0	19.622,0		16.597,0	6.999,0	3.805,0	6.842,0	3.962,0		
9	Quỹ Bảo trợ trẻ em	327,0	183,0		276,0	234,0	848,0		864,0	218,0	519,0		415,0	322,0	460,0	513,0	269,0	550,0		464,0	355,0	962,0	743,0	743,0		
10	Quỹ Hỗ trợ nông dân	12.898,0	6.706,6	5.000,0	6.300,0	13.304,6	7.700,0	-	5.700,0	15.304,6	3.292,2	-	-	18.596,8	8.018,2	-	7.772,0	18.843,0	11.370,3	4.000,0	3.600,0	23.613,3	7.455,5	-	7.785,0	23.283,8
	- Vốn tình	6.398,0	5.406,6	5.000,0	5.000,0	6.804,6				6.804,6	292,2			7.096,8	318,2		72,0	7.343,0	7.270,3	4.000,0	3.600,0	11.613,3	670,5	1.000,0	11.283,8	
	-Vốn Trung ương	6.500,0	1.300,0		1.300,0	6.500,0	7.700,0		5.700,0	8.500,0	3.000,0			11.500,0	7.700,0	7.700,0	11.500,0	4.100,0			12.000,0	6.785,0		6.785,0	12.000,0	
11	Quỹ Nạn nhân chất độc da cam	2.663,0	991,0		1.017,0	2.667,0	1.195,0		1.116,0	2.716,0	1.018,0		972,0	2.762,0	1.028,0	1.040,0	2.750,0	1.291,0		1.134,0	2.907,0	644,0		933,8	2.617,2	

BẢNG 5: TỔNG HỢP CÁC KHOẢN CHI CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo báo cáo số: 76/BC-UBND ngày 11. tháng 03 năm 2019)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Ghi chú
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
I	Quỹ Đầu tư phát triển													
1	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của quỹ	14.959,0	12.596,6	12.233,0	12.093,9	9.631,0	10.357,2	10.594,0	10.561,0	10.764,0	10.402,0	10.519,0	11.398,1	
II	Quỹ Phát triển đất													
1	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của quỹ	1.192,0	2.952,8	1.280,0	1.102,0	881,3	974,7	765,2	1.624,0	1.749,8	1.683,2	2.174,9	1.066,2	
III	Quỹ Hỗ trợ và phát triển Hợp tác xã													
1	Chi hoạt quản lý quỹ													
2	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	180,3	123,8	217,9	207,8	251,4	208,6	286,4	259,3	
3	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của quỹ													
3.1	- Chi phí hoạt động	-	-	-	-	35,6	2,7	74,5	10,0	50,7	26,4	35,4	20,4	
3.2	- Chi phí nhân viên	-	-	-	-	95,6	91,1	102,0	99,0	106,0	106,0	113,0	104,0	
3.3	- Chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ	-	-	-	-	50,0	-	50,0	24,0	50,0	-	50,0	-	
3.4	- Chi mua trang thiết bị, sửa chữa TSCĐ	-	-	-	-	150,0	-	130,0	35,0	100,0	-	100,0	-	
IV	Quỹ Bảo vệ môi trường													
1	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của quỹ	-	-	-	48,2	774,0	627,3	1.193,4	548,0	888,6	447,4	856,5	417,3	
V	Quỹ Khám, chữa bệnh cho người nghèo													
1	Chi Quỹ Khám, chữa bệnh cho người nghèo					113,1	113,1	1.000,0	1.984,5	2.900,0	3.302,3	3.700,0	4.179,3	
2	Chi hoạt động quản lý quỹ					19,2	19,2	47,0	47,0	102,9	102,9	120,0	120,0	
VI	Quỹ Vì người nghèo													
1	Chi hoạt động quản lý Quỹ													
1.1	Xây dựng, sửa chữa nhà		11.876,4		7.318,8		13.503,4		23.781,2		48.217,0		29.906,7	
1.2	Hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học		9.240,8		4.443,7		12.076,5		23.151,0		29.500,0		20.382,0	
1.3	Hỗ trợ hộ nghèo điều trị bệnh		150,0		200,0		150,0		101,0		26,0		115,0	
1.4	Tăng quà cho hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán, bàn giao nhà ĐDK		8,0		10,0		12,0		2,0		-		2,0	
1.5	Hỗ trợ cho người nghèo sản xuất chăn nuôi		227,6		285,1		279,5		460,0		623,0		1.271,9	
1.6	Chi điều chuyển (Hỗ trợ quỹ Nghĩa tình đồng đội của BLL Cựu tù chính trị)		2.200,0		2.380,0		900,0				17.355,0		8.134,6	
1.7	Hỗ trợ khó khăn đột xuất		50,0		-		-		-		-		1,2	
2	Chi thực hiện chức năng nhiệm vụ của quỹ		49,6		69,0		85,4		67,2		103,0		0,3	
VII	Quỹ Bảo trợ Xã hội													
1	Chi hoạt động quỹ		2.775,7		33,0		200,0		3.157,5		2.600,0		1.698,6	
			2.750,0		33,0		200,0		3.155,9		2.600,0		1.698,6	

STT	Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Ghi chú
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
	CK hỗ trợ cho đồng bào các tỉnh miền Trung bị thiên tai do bão lũ gây ra		2.750,0											
	CK ủng hộ Chương trình "Mắt sáng cho người cao tuổi"				33,0									
	CK cứu trợ đồng bào bị mưa lũ gây thiệt hại ở tỉnh Quảng Ninh						200,0							
	CK cứu trợ đồng bào các tỉnh thiệt hại do bị ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn								750,0					
	CK hỗ trợ đồng bào các tỉnh Bắc Trung bộ bị thiệt hại do ảnh hưởng bão số 10 gây ra (Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị)										800,0			
	CK hỗ trợ đồng bào các tỉnh Miền bắc bị thiệt hại do mưa lũ gây ra (03 tỉnh: Sơn La, Yên Bái, Điện Biên)										600,0			
	Rút KP chi hỗ trợ 7 cơ sở nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ em mồ côi												290,0	
	CK hội bảo trợ người tàn tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Tây Ninh tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân ngày 01/6												30,0	
	Hỗ trợ hoạt động cho Trường Khuyết tật Tây Ninh, Trung tâm bảo trợ tình, Trung tâm nuôi dạy trẻ khiếm thị, Hội bảo trợ người khuyết tật												720,0	
	CK hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 12										1.200,0			
	CK cho MTTW điều tiết cứu trợ ...								2.405,9				658,6	
2	Chi quản lý quỹ		25,7						1,6		-		-	
VIII	Quỹ Bảo trợ đường bộ													
1	Chi hoạt động quản lý quỹ			125,5	125,5	79,6	79,6	155,5	77,7	156,0	117,4	156,0	121,8	
3	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ			37.439,5	37.439,5	27.774,6	26.746,4	29.634,1	16.546,3	111.627,0	132.377,6	131.788,2	131.822,2	
IX	Quỹ Hỗ trợ nông dân				353,9		355,0		453,7		434,6		457,6	
1	Chi hoạt động quản lý quỹ		66,0		67,2		31,3		45,1		25,7		28,7	
2	Trích lập Quỹ Dự phòng rủi ro		58,4		61,1		65,0		67,4		69,9		95,7	
3	Trích nộp về Trung ương		252,5		225,6		258,8		341,3		339,0		333,2	
X	Đền ơn đáp nghĩa				3.625		3.065		22		16.597		6.842	
1	Chi quản lý Quỹ		10		25		10		-		4		32	
2	Chi thực hiện chức năng nhiệm vụ		9.768		3.600		3.055		22		16.593		6.810	

STT	Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Ghi chú
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
XI	Quỹ Bảo trợ trẻ em		276		863		415		513		462		743	
1	Chi quản lý Quỹ		10		14		15		30		40		45	
2	Chi thực hiện chức năng nhiệm vụ		266		849		400		483		422		698	
XII	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng													
1	Chi hoạt động quản lý													
2	Chi dự phòng				*			459,9	316,6	543,7	299,7	588,2	588,2	*
3	Chi trả cho các đơn vị cung ứng DVMTR							300,0	171,6	267,3		294,1		
4	Chi trồng rừng thay thế							3.909,6	3.552,1	4.544,9	4.340,8	6.724,0	6.374,3	
XIII	Quỹ phòng chống thiên tai										869,5		737,4	
1	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ							107,6	107,6		1.962,0	53.642,0		Chi hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai

BẢNG 6: TÌNH HÌNH VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỦ TRƯỞNG CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo báo cáo số:/...../ BC-UBND ngày .../.../ tháng 02 năm 2019)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức năng nhiệm vụ	Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
		Số đối tượng tham gia mới	Số trường hợp được hưởng lợi	Tổng số tiền chi trả	Số đối tượng tham gia mới	Số trường hợp được hưởng lợi	Tổng số tiền chi trả	Số đối tượng tham gia mới	Số trường hợp được hưởng lợi	Tổng số tiền chi trả	Số đối tượng tham gia mới	Số trường hợp được hưởng lợi	Tổng số tiền chi trả	Số đối tượng tham gia mới	Số trường hợp được hưởng lợi	Tổng số tiền chi trả	Số đối tượng tham gia mới	Số trường hợp được hưởng lợi	Tổng số tiền chi trả
I	Quy khám, chữa bệnh cho người nghèo																		
I	Hỗ trợ một phần chi phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, gặp khó khăn							44	44	113,1	219	637	1.984	89	1.014	3.302	104	1.307	4.179
II	Quy Hỗ trợ nông dân																		
I	Cho vay hỗ trợ vốn cho nông dân phát triển sản xuất		301	3.575,0		849	14.190		391	7.227		678	13.182		376	7.497		537	12.415
III	Quy Bảo vệ và Phát triển rừng										1.823	1.823	3.552	84	1.907	4.341	179	2.086	6.374
IV	Quy đền ơn đáp nghĩa																		
	Xây mới		139	9.748		178	2.670		106	1.810					115	8.050		66	3.780
	Sửa chữa		1	20		124	930		166	1.245					234	8.547		132	3.062
V	Quy Bảo trợ trẻ em																		
	Chi mua quà và hỗ trợ trẻ em		625	0		1.980	0		1.782	0		1.565	0		1.643	0		1.772	0



BẢNG 7: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ
(Kèm theo báo cáo số: 19/BC-UBND ngày 11... tháng 02 năm 2019)

STT	Chức năng nhiệm vụ	Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Lợi nhuận thu được trong cả giai đoạn 2013-2018
		Tổng mức đầu tư đến thời điểm 31/12/2012	Mức đầu tư tài chính trong năm	Lợi nhuận thu được trong năm	Tổng mức đầu tư đến thời điểm 31/12/2013	Mức đầu tư tài chính trong năm	Lợi nhuận thu được trong năm	Tổng mức đầu tư đến thời điểm 31/12/2014	Mức đầu tư tài chính trong năm	Lợi nhuận thu được trong năm	Tổng mức đầu tư đến thời điểm 31/12/2015	Mức đầu tư tài chính trong năm	Lợi nhuận thu được trong năm	Tổng mức đầu tư đến thời điểm 31/12/2016	Mức đầu tư tài chính trong năm	Lợi nhuận thu được trong năm	Tổng mức đầu tư đến thời điểm 31/12/2017	Mức đầu tư tài chính trong năm	Lợi nhuận thu được trong năm	
I Quỹ Đầu tư phát triển																				
1	Cho vay																			
		103.692,6	18.534,5	7.452,1	122.227,1	13.159,8	10.581,0	135.386,9	-	11.984,2	135.386,9	-	10.744,7	101.928,5	11.621,1	8.412,3	113.549,5	13.791,3	8.344,2	49.106,2
2	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	120.524,3	28.581,1	12.059,4	149.105,4	-	7.565,0	109.274,6	30.707,8	4.764,2	139.982,4	138.046,1	7.562,0	278.028,5	62.551,1	9.914,9	340.579,5	112.201,3	15.392,3	47.342,8
3	Đầu tư, góp vốn	26.040,2	-	1.194,1	26.040,2	3.904,3	2.923,2	29.944,5	-	2.207,5	26.400,0	-	2.222,2	26.400,0	-	2.500,0	21.400,0	-	1.260,0	9.807,0
II Quỹ Phát triển đất																				
1	Ứng vốn	219.464,7	-	3.609,3	192.579,6	69.122,9	2.737,5	261.702,5	-	1.732,2	133.294,3	-	-	73.223,4	13.157,1	-	86.380,6	-	-	8.078,9
2	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	39.910,0	72.170,0	4.248,8	112.080,0	2.271,0	6.698,6	114.351,0	138.839,0	5.385,9	253.190,0	61.510,0	13.056,5	314.700,0	18.100,0	14.770,7	332.800,0	63.800,0	396.600,0	440.760,5
III Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã																				
1	Cho vay	-	-	-	-	-	-	-	1.700,0	22,3	1.700,0	750,0	64,0	2.450,0	4.500,0	206,8	6.950,0	5.200,0	249,4	542,5
2	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	-	-	20.074,0	75,0	20.074,0	-	871,3	19.614,0	16,0	986,9	19.630,0	-	689,0	17.540,0	-	898,4	3.520,6
IV Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng																				
1	Cho vay	-	-	-	-	-	-	-	18.000,0	1.089,8	16.666,7	10.390,0	979,3	24.661,7	-	832,7	20.958,9	-	1.402,2	4.304,0
2	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	-	-	11.286,0	250,5	11.286,0	-	263,2	6.221,5	6.229,5	412,3	12.451,0	8.783,1	839,7	21.234,0	10.801,6	1.159,0	2.924,7

